

Bản án số: 03/2021/KDTM-ST

Ngày 04 tháng 8 năm 2021

V/V: “Tranh chấp phát sinh trong hoạt động  
kinh doanh, thương mại giữa tổ chức  
có đăng ký kinh doanh với nhau  
và đều có mục đích lợi nhuận”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Bà Ngô Thị Thanh Hảo

**Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Nguyễn Sỹ Minh

2. Bà Nguyễn Thị Tin

**- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:** Bà Phạm Thị Thủy - Cán bộ  
Toà án nhân dân huyện Yên Dũng

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng:** Ông Lương Văn  
Tuân - Kiểm sát viên

Trong ngày 04 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2021/TLST- KDTM ngày 07/4/2021 về “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST - KDTM ngày 29 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-KDTM ngày 19 tháng 7 năm 2021, giữa:

**\* Nguyên đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn G nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn S - O; địa chỉ: Số 148, đường Th, phường M, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Thanh H, sinh năm 1984 - Phó Giám đốc Công ty TNHH G nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn S - O. Theo giấy ủy quyền số 01/2021/UQ ngày 24/6/2021 của Giám đốc Công ty.

Địa chỉ: thôn Nh, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang, (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Quang V, ông Hoàng Ngọc Ph, ông Phạm Văn L - Luật sư, thuộc Văn phòng luật sư T, thuộc đoàn luật sư Hà Nội, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

\* **Bị đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn W

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông K - Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật

Địa chỉ: Lô 17, cụm Công nghiệp N, xã N, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Ngày 07 tháng 01 năm 2020, giữa Công Ty TNHH G và Công ty TNHH W có ký hợp đồng nguyên tắc về việc làm mới, gia công, sửa chữa linh kiện số 070120/GUT-WTVN. Theo nội dung hợp đồng, bên A (Công ty TNHH G) chế tạo, cung cấp, sửa chữa và bảo dưỡng những mặt hàng linh kiện, chi tiết kỹ thuật khuôn, JIG, khuôn địa hình, khuôn cắt, các máy móc, thiết bị, và nguyên liệu phục vụ cho gia công, sản xuất của bên B (Công ty TNHH W). Trên cơ sở hợp đồng nguyên tắc, hai Bên sẽ thỏa thuận, thống nhất tại từng thời điểm theo đơn đặt hàng của bên B về quy cách-chủng loại, số lượng sản phẩm và đơn giá theo báo giá của bên A có sự xác nhận của bên B. Quá trình thực hiện hợp đồng nguyên tắc và thỏa thuận từng thời kỳ, bên A đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ theo các đơn hàng của bên B, nhưng bên B lại không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền hàng cho bên A. Số tiền mà bên B còn nợ của bên A, tính từ ngày 20/03/2021, theo biên bản xác nhận công nợ được hai Bên xác lập ngày 20/03/2021 thì bên Công ty TNHH W (Bên B) còn nợ công ty G (Bên A) số tiền là: 2.090.863.511 VNĐ (Bằng chữ: Hai tỷ không trăm chín mươi triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm mười một đồng).

Trong đó gồm công nợ của những hóa đơn sau chưa thanh toán như sau:

- + Số tiền 50% tháng 5 - HĐ: 0000095 (30/05/2020) : **132.550.000 đồng**
- + Số tiền Tháng 5 - HĐ: 0000097 (30/05/2020): **60.465.147 đồng**
- + Số tiền tháng 6 - HĐ: 0000133 (30/06/2020): **369.838.663 đồng**
- + Số tiền tháng 7- HĐ: 0000149 (30/07/2020): **334.546.446 đồng**

- + Số tiền tháng 8- HĐ: 0000195 (31/08/2020): **281.838.400 đồng**
- + Số tiền tháng 9 - HĐ: 0000224 (29/09/2020): **246.638.350 đồng**
- + Số tiền tháng 10 - HĐ: 0000283 (31/10/2020): **293.522.005 đồng**
- + Số tiền tháng 12- HĐ: 0000329 (31/12/2020): **371.464.500 đồng**

Công việc của Công ty TNHH Gu Tech là nếu Công ty TNHH W có nhu cầu thực hiện công việc dịch vụ thì, Công ty TNHH G làm theo ngày, đến cuối tháng tổng hợp công việc Công ty TNHH G đã làm, số tiền Công ty TNHH W phải trả cho Công ty ông. Sau khi hai công ty đã thống nhất thì Công ty TNHH G xuất hóa đơn thể hiện số tiền Công ty TNHH W phải trả cho Công ty ông.

Nay Công ty TNHH G yêu cầu Công ty TNHH W phải trả số tiền 2.090.863.511 VNĐ (Bằng chữ: Hai tỷ không trăm chín mươi triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm mười một đồng), theo biên bản xác nhận công nợ được hai bên xác lập ngày 20/03/2021. Tiền lãi của số tiền trên kể từ ngày 20/3/2021 đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi suất quy định. Ngoài ra Công ty TNHH G không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên ông Trần Thanh H trình bày: Ông là đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng, khi nộp đơn khởi kiện Công ty ông có tên là Công ty TNHH G, ngày 17/6/2021, Công ty ông thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 4 và đổi tên là Công ty TNHH S-O. Ngày 20/03/2021, giữa Công ty ông và Công ty TNHH W lập biên bản xác nhận công nợ, khoảng một tuần sau khi xác nhận công nợ, Công ty ông có đòi tiền nhiều lần nhưng không thể liên lạc được với người đại diện theo pháp luật của Công ty W. Công ty ông giữ nguyên yêu cầu đề nghị Công ty TNHH W phải trả số tiền còn nợ theo biên bản xác nhận công nợ ngày 20/03/2021 là 2.090.863.511 VNĐ. Do tình hình dịch bệnh covid 19 kéo dài, các Công ty đều có khó khăn, vì vậy Công ty ông không yêu cầu Công ty TNHH W phải trả số tiền lãi của số tiền trên theo lãi suất quy định, Công ty ông xin rút yêu cầu tính tiền lãi. Ngoài ra Công ty ông không có yêu cầu gì khác.

**\* Tài liệu Tòa án thu thập được:** Hồ sơ pháp lý của Công ty TNHH W do sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Giang cung cấp

+ Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo về phiên hòa giải cho Công ty TNHH W đúng theo quy định của pháp luật, nhưng người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH W là ông K - Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật, không đến Tòa án để viết bản tự khai và hòa giải.

+ Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng không hòa giải được vì bị đơn vắng mặt không có lý do và nguyên đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

+ Ngày 19/7/2021, Tòa án mở phiên tòa xét xử nhưng ông K - Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH W đã được triệu tập họp lần thứ nhất nhưng vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã hoãn phiên tòa.

+ Tại phiên tòa hôm nay ông K - Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH W tiếp tục vắng mặt.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn chấp hành theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của Công ty TNHH G, nay là Công ty TNHH S-O đề nghị Hội đồng xử buộc Công ty TNHH W phải trả cho Công ty TNHH G, nay là Công ty TNHH S-O số tiền 2.090.863.511 VNĐ theo biên bản xác nhận công nợ ngày 20/03/2021. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu đòi tiền lãi đối với Công ty TNHH W. Về án phí: Công ty TNHH W phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Công ty TNHH G số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Theo như đơn khởi kiện, hồ sơ đăng ký kinh doanh do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Giang cung cấp cũng như hợp đồng nguyên tắc đã ký kết giữa Công ty TNHH G nay là Công ty TNHH S-O và Công ty TNHH W thì Công ty TNHH W có đăng ký kinh doanh tại địa chỉ lô số 17, cụm Công nghiệp N, xã N, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017, thì: "...Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và

đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan...”. Ông K - Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH W không có mặt tại Công ty, nhưng theo cung cấp của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Giang, Công ty TNHH W hiện tại vẫn đang hoạt động, Công ty chưa nộp đơn giải thể hay tạm ngừng hoạt động. Ông K không thông báo địa chỉ là cố tình giấu địa chỉ. Tòa án huyện Yên Dũng đã niêm yết toàn bộ giấy tờ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử tại địa chỉ Công ty đăng ký kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt Ông K - Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH W là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Quan hệ tranh chấp giữa Công ty TNHH G nay là Công ty TNHH S-O và Công ty TNHH W là quan hệ kinh doanh thương mại giữa các pháp nhân có đăng ký kinh doanh. Công ty TNHH G và Công ty TNHH W có ký hợp đồng nguyên tắc ngày 07/01/2020. Nội dung công việc, Công ty TNHH Gu Tech đồng ý chế tạo, làm mới, cung cấp, sửa chữa và bảo dưỡng những mặt hàng về linh kiện, chi tiết kỹ thuật, JIG, khuôn định hình, khuôn cắt, các máy móc, thiết bị cho Công ty TNHH W. Theo biên bản xác nhận công nợ ngày 20/03/2021, Công ty TNHH W còn nợ Công ty TNHH G số tiền 2.090.863.511 đồng. Do người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH W không còn sinh sống tại Việt Nam, Công ty TNHH G đã yêu cầu nhiều lần nhưng Công ty TNHH W chưa thanh toán số tiền theo như biên bản xác nhận công nợ ngày 20/03/2021. Công ty TNHH G làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng giải quyết. Đây là “Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Công ty TNHH W có địa chỉ tại lô số 17, cụm Công nghiệp, xã N, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, do vậy Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng,

tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 317 Luật thương mại.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH G nay là Công ty TNHH S-O:

[3.1]. Đối với yêu cầu buộc Công ty TNHH W phải trả số tiền 2.090.863.511 đồng theo như biên bản xác nhận công nợ hai bên xác lập ngày 20/3/2021 thì thấy: Theo các tài liệu thu thập được cũng như trình bày của nguyên đơn, ngày 07/01/2020, giữa Công ty TNHH G và Công ty TNHH W ký hợp đồng nguyên tắc về việc làm mới, gia công, sửa chữa linh kiện số 070120/GUT-WTVN. Theo nội dung hợp đồng, bên A (Công ty TNHH G) chế tạo, cung cấp, sửa chữa và bảo dưỡng những mặt hàng linh kiện, chi tiết kỹ thuật khuôn, JIG, khuôn địa hình, khuôn cắt, các máy móc, thiết bị, và nguyên liệu phục vụ cho gia công, sản xuất của bên B (Công ty TNHH W). Trên cơ sở hợp đồng nguyên tắc, hai bên sẽ thỏa thuận, thống nhất tại từng thời điểm theo đơn đặt hàng của bên B về quy cách-chủng loại, số lượng sản phẩm và đơn giá theo báo giá của bên A có sự xác nhận của bên B. Quá trình thực hiện hợp đồng nguyên tắc và thỏa thuận từng thời kỳ, bên A đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ theo các đơn hàng của bên B, nhưng bên B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền hàng cho bên A. Ngày 20/03/2021 giữa Công ty TNHH G và Công ty TNHH W có ký biên bản xác nhận công nợ số 01/2021/GUT. Nội dung biên bản xác nhận công nợ thể hiện: Tổng số tiền phát sinh trong kỳ: 3.773.301.973 đồng; tổng số tiền Công ty TNHH W đã thanh toán: 1.682.438.462 đồng; tổng số tiền Công ty TNHH W còn phải thanh toán cho Công ty TNHH G: 2.090.863.511 đồng theo các hòa đơn như sau: Số tiền 50% tháng 5 - HĐ: 0000095 (30/05/2020) : 132.550.000 đồng; số tiền Tháng 5 - HĐ: 0000097 (30/05/2020): 60.465.147 đồng; số tiền tháng 6 - HĐ: 0000133 (30/06/2020): 369.838.663 đồng; số tiền tháng 7- HĐ: 0000149 (30/07/2020): 334.546.446 đồng; số tiền tháng 8- HĐ: 0000195 (31/08/2020): 281.838.400 đồng; số tiền tháng 9 - HĐ: 0000224 (29/09/2020): 246.638.350 đồng; số tiền tháng 10 - HĐ: 0000283 (31/10/2020): 293.522.005 đồng; số tiền tháng 12- HĐ: 0000329 (31/12/2020): 371.464.500 đồng. Giữa các bên không có tranh chấp gì về hợp đồng đã ký, Công ty TNHH W vi phạm nghĩa vụ trả tiền, nay Công ty TNHH G yêu cầu Công ty TNHH W phải trả số tiền còn nợ theo như biên bản xác nhận công nợ 20/3/2021. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Gu Tech là phù hợp với các Điều 513, 514, 515 Bộ luật dân sự. Khoản 3 Điều 4, Điều 74 Luật thương mại.

[3.2]. Đối với yêu cầu buộc Công ty TNHH W phải trả số tiền lãi của số tiền 2.090.863.511 đồng kể từ ngày lập biên bản xác nhận công nợ 20/3/2021, theo lãi suất quy định thì thấy: Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và nguyên đơn có đơn xin rút yêu cầu đòi tiền lãi là tự nguyện. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đối với việc rút yêu cầu của nguyên đơn và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu trên là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự .

[4]. Về án phí: Yêu cầu của Công ty TNHH G nay là Công ty TNHH S-O được chấp nhận, do vậy Công ty TNHH WO phải chịu án phí dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả Công ty TNHH G nay là Công ty TNHH S-O số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 39, 147, 227, 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 513, 514, 515 Bộ luật dân sự. Khoản 3 Điều 4, Điều 74, Điều 317 Luật thương mại. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**2. Xử:**

**2.1.** Buộc Công ty TNHH W phải trả cho Công ty TNHH Gu Tech nay là Công ty TNHH S-O số tiền 2.090.863.511 đồng (Hai tỷ không trăm chín mươi triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm mười một đồng) theo biên bản xác nhận công nợ ngày 20 tháng 3 năm 2021

**2.2.** Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của Công ty TNHH G nay là Công ty TNHH S-O đối với Công ty TNHH W phải trả tiền lãi của số tiền 2.090.863.511 đồng.

**2.3. Về án phí:**

2.3.1. Công ty TNHH W phải chịu 73.817.000 đồng án phí DSST.

2.3.2. Hoàn trả Công ty TNHH G nay là Công ty TNHH S-O số tiền tạm ứng án phí đã nộp 36.900.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009257 ngày 07/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng.

**2.4.** Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết

định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

**2.5.** Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**2.6.** Hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKS huyện Yên Dũng;
- CCTHA dân sự huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Ngô Thị Thanh Hảo**